

PHẬT-GIAO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richard, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật-Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bông-Sả
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tể-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dỗi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ BẢN BÁO « ĐUỐC TUỆ »,

Xin các ngài làm cho một bản kết toán từ số 1 đến số 7 xem số nào bán được bao nhiêu, còn lại bao nhiêu ; bán được bao nhiêu thì xin gửi tiền về cho, mà còn lại bao nhiêu thì xin gửi báo về cho, cảm ơn.

Những ngài mua báo 3 hàng ngài nào bằng lòng mua nữa thì xin gửi thư về ngay cho nhà báo biết.

TÔN-CHI ĐẠO PHẬT

(Tiếp theo và hết)

BẬc trên này, noi theo đạo giác mà tiến lên; danh-tự-giác và tương-tự-giác, gọi là chính-giác, 正覺 nghĩa là noi theo bát chính đạo (1) mà đi vào trong cõi giác ngộ, chính là ngay, thẳng, không thiên lệch về mặt nào, không vướng mắc về bên nào, cốt cho sự tin càng rõ ràng, sự trụ càng vững chãi, sự hành càng mạnh mẽ, sự hồi-hương càng chuyên nhất, trải qua bốn cõi này là tin, trụ, hành, hồi hương, để phá tan cái ngã-chấn mà tiến lên cõi trời; đến tùy-phân-giác gọi là đẳng-giác, 等覺 đẳng là ngay hàng, tuy chưa được hoàn toàn giác ngộ, song đã gần vào hẳn cõi giác, cho nên gọi là đẳng-giác, bậc này là thập-địa bồ tát, đã phá gần hết được pháp-chấp; khi đã phá hẳn được pháp-chấp, mà phá được một cách thấu triệt viên mãn, gọi là cứu-cánh-giác, 究竟覺 cứu cánh là đến nơi đến chốn, đến chỗ tuyệt-đối không còn chỗ nào hơn nữa, bởi thế bậc cứu-cánh-giác cũng gọi là điện-chính-giác 妙正覺 hay là vô thượng chính-giác 无上正覺, bậc này là bậc Phật vậy. Lấy chứng-vị (2) mà nói, thì Phật là bậc cao nhất ở trong các bậc giác, song lấy hành-vị (3) mà nói, thì Phật là bậc đã có trải qua các bậc dưới mới lên tới bậc trên; từ chỗ cao mà tính ngược trở lại, thì chưa thành Phật là bồ-tát, chưa thành bồ-tát, là la-hán, rồi trở xuống cho đến duyên-giác và thanh-vấn, nhưng từ chỗ thấp mà tính thuận lên, thì giác-ngộ càng cao, càng lên cao, ngày nay là thanh-

(1) Bát chính đạo 八正道 là tám đạo chính: chính-kiến, chính-tư-duy, chính-ngữ, chính-tinh-tiến, chính-định, chính-niệm, chính-mạnh.

(2) Chứng-vị 證位 là ngôi chứng quả.

(3) Hành-vị 行位 là ngôi tu-hành.

vấn, ngày mai là Phật, vốn là một người, bất cứ căn khí nào (1) cũng có thể theo hành-vị mà tiến lên, hành vị là công, chứng vị là quả, có công tức là có quả, không phải là một việc vu-đán, ở ngoài sự tưởng-tượng của người, và ở xa tầm ước vọng của người vậy.

Nghĩa chữ giác không có một lý-thuyết gì là huyền bí, cốt là đề phá hai cái chấp là ngã-chấp và pháp-chấp, hai cái chấp này là nguồn gốc của vô-minh, vô-minh là mẹ, có mẹ mới gây nên ba cái nghiệp là thân, khẩu, ý, khi đã có nghiệp thì người đời cứ phải mắc miu quẩn quít ở trong cái nghiệp mà không sao tự gỡ ra; nay muốn phá cái nghiệp tất phải phá cái vô-minh, muốn phá cái vô-minh, tất phải noi theo đạo-giác. Bởi thế, nhận được nghĩa chữ giác, tức là biết rõ được tôn-chỉ của đạo Phật, nếu cho đạo Phật là một tôn-giáo, thì đạo Phật là một tôn-giáo dạy người biết tự tin ở cái lương-tâm, ở cái linh-linh, làm điều thiện, bỏ điều ác, để tìm đường mà vào cõi giác; nếu cho đạo Phật là một học-thuyết, thì đạo Phật là một học-thuyết lấy phương-pháp chính-đáng và thiết-thực dạy người biết tự-tu, tự-linh, đề tự giác-ngộ lấy mình, không khác gì học chính-lâm thành-ý của đạo nho — mà khi đã biết rõ được tôn-chỉ của đạo Phật thì những thuyết như: Thế-gian, xuất-thế-gian, luân-hồi là những thuyết rất quan-thiết về đường thực-tế, không phải là hoàn-toàn thuộc về phần « hình-nhi-thượng » như xưa nay nhiều người hiểu vậy.

Thế-gian là gì? Thế-gian là cái gồm cả tam-giới. Tam-giới là dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới. Dục-giới là cõi có thị-dục, thị-dục làm mờ tối cái bản-giác di, tức là bất-giác; sắc-giới là cõi đã bỏ bớt được thị-dục, song còn có sắc thân, nghĩa là đã ở chỗ bất-giác mà đi vào chính-giác; vô-sắc-giới là cõi bỏ được sắc thân, nghĩa là đã phá được bốn thứ vẫn ở trong ngũ-uẩn là sắc, thụ, tưởng, hành, song còn có thức, cõi này so với sắc-giới, chính-giác có phần cao hơn, theo nghĩa chữ giác đã cất rõ ở trên, thì sắc-giới là danh-tự-giác và vô-giác-giới là tương-tự-giác. Hai bậc này ở trong

(1) Căn khí 根器 là hàm thụ của người, có sẵn từ lúc mới sinh, như thông minh, đần độn v. v. . . .

lục đạo, đều thuộc về thiên-đạo, song đều là bậc từ nhân-đạo mà tiến lên, khi còn ở nhân-đạo. còn có cả hai thứ ngã-chấp và pháp-chấp, khi tiến lên thiên-đạo, thì hai thứ chấp này phá bớt đi dần, nhưng đến bậc « không thiên » cuối cùng ở vô-sắc-giới, mới là bậc phá được pháp-chấp, mà chưa chắc đã phá được hẳn, — chưa phá được hẳn pháp-chấp, thì sự tiến lên chưa vững, chắc đâu là không trụt xuống, tuột xuống là lại trở về nhân-đạo. Chữ thiên và chữ nhân ở đây là hai bậc ở trong đạo giác, chứ không phải là trời và người như nghĩa thường chúng ta hiểu, vậy thì thế-gian là gồm cả ba cõi ở trong chỗ bất-giác noi lên chính-giác, chứ không phải là một bầu trời đất như nghĩa thường chúng ta hiểu vậy.

Xuất thế-gian là gì ? Xuất thế-gian là ra ngoài tam-giới tức là ra khỏi chỗ chứa được hoàn-tiên giác-ngộ, và vào hẳn chỗ hoàn-toàn giác-ngộ. Như trên vừa nói, cõi vô-sắc-giới là bậc trung-tự-giác, vậy xuất thế-gian là bậc bắt đầu từ tùy-phân-giác, nghĩa là đẳng-giác, mà tiến vào cõi diệu-chính-giác.

Theo đây mà suy thì luân-hồi là gì, luân-hồi là luân-quần ở trong tam-giới là cõi mê, giải-thoát là gì, giải-thoát là cõi gỡ cái mê ở tam-giới, và nát-bản là gì, nát-bản là viên-tịch là bất sinh, bất sinh là cái đích tuyệt đối của sự giải-thoát, là bậc cao nhất ở trong bậc giác, ta có thể lấy một chữ giác làm chỗ căn cứ mà lĩnh hội sâu vào và giảng giải rộng ra, càng sâu càng tinh-tế, càng rộng càng bao-la, mà rút lại vẫn ở trong một cái tâm của ta, là cái thể bản-giác vậy.

Xưa nay có nhiều người đọc đến thuyết thế-gian và thuyết xuất thế-gian ở trong sách Phật, thường tưởng đạo Phật cốt dẫn giục người đời đều nên xuất gia cả, coi như là ở ngoài cõi người còn có một cõi cực-lạc nữa, cho nên người nào theo đường tu luyện, thì tin đạo Phật bằng một cách mê tin, người nào chuông đường thực-tế thì ngờ đạo Phật là đạo hoang đường, song không hiểu rằng cõi cực-lạc hay là cõi cực-khổ, vốn ở trong tâm người, giác là cực-lạc, mê là cực-khổ, thế-gian là mê, xuất thế-gian là giác, mê và giác như mặt trái và mặt phải bàn tay, trở đi lật lại, không phải là

một sự không làm được, trong kinh có câu rằng : Phật đạo tại thế-gian, bất ly thế-gian giác. 佛道在世間不離世間覺 nghĩa là đạo Phật vì cõi đời mà lập nên, không cách xa những sự giác-ngộ ở cõi đời, ai theo đạo Phật, đều có thể giác-ngộ được, mà giác-ngộ là giác-ngộ ở trong cõi người chứ không phải là ở ngoài cõi người ; nhận rõ nghĩa mười chữ này, thì biết rõ nghĩa chữ giác tuy là cao-siêu mà lại rất là thường vậy.

Nói về nghĩa chữ giác như đã cắt đại-lược ở trên, có thể cho là tạm đủ, nhưng còn về cách thực-hành chữ giác, thật tưởng nên bàn thêm ra, đề bèn tại-gia ai đã hiểu biết cái tôn-chỉ đạo Phật, lại nên dùng làm tư-lương (1) ở trong những sự nhật dụng thường hành, cổ nhân có nói rằng : tri chi phi nan, hành chi duy nan, biết không phải là một sự khó lắm, làm được sự biết mới là khó, vậy ai đã biết tôn-chỉ đạo Phật là một tôn-chỉ rất mật-thiết với cuộc nhân-sinh, cần phải cố sức thực-hành, thì sự biết mới có bổ ích cho mình và cho người vậy.

Giác có hai phần, một phần là tự-giác, một phần là giác-tha, có làm đủ được cả hai phần này, thì đạo giác mới trọn vẹn. Nay xin lấy bốn câu kệ sau này là bốn câu mà bèn tại-gia ai ai cũng biết để nói về cách thực-hành chữ giác :

1° *Chung-sinh vô biên thế nguyện độ*

衆生無邊誓願度

2° *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*

煩惱無盡誓願斷

3° *Pháp môn vô lượng thế nguyện học*

法門無量誓願學

4° *Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*

佛道無上誓願成

Bốn câu này là bốn câu phát nguyện khi qui y cửa Phật, đã gần là khẩu đầu thiền (2), song ở trong có ba, nhiều ý

(1) Tư-lương là những thứ thích dụng, ai cũng phải cần đến ví như tiền để tiêu cơm để ăn.

(2) Khẩu đầu thiền là lời nói ở cửa miệng, thường nói đến mà không biết nghĩa.

nghĩa sâu sá. Theo đúng như từ thánh đế (1) mà cắt thì câu thứ nhất là khổ-đế, nghĩa là thấy chúng-sinh ở trong cõi khổ, mà phát nguyện độ cho giải thoát hết cả. Câu thứ nhì là tập-đế, nghĩa là bao nhiêu nỗi khổ, là bởi phiền não hợp lại, vậy muốn độ khổ, phải đoạn rứt hết cả phiền não. Câu thứ ba là đạo-đế, nghĩa là muốn đoạn rứt hết phiền não, thì phải học đạo phép màu nhiệm ở cửa Phật. Câu thứ bốn là duyệt-đế nghĩa là khi đã noi lời được đạo vô-thượng, thì duyệt được cả lao và khổ. Bốn câu này có đủ cả hai phần tự-giác và giác-tha. Độ cho chúng-sinh là giác-tha, song muốn giác-ngộ cho chúng-sinh trước hết phải giác-ngộ lấy mình, cho nên phải đoạn phiền não, muốn đoạn phiền não, phải học pháp-môn, có học pháp-môn, mới thành đạo Phật, có thành đạo Phật, mới độ được chúng-sinh. Đọc bốn câu này nghĩ ngợi ngấm ngấm, sẽ thấy có bao nhiêu nghị lực, bao nhiêu dũng khí, làm cho ta mạnh-mẽ hăng hái, sôi-sảng, vôi-vã, cố tự lập tự chủ, để giữ một địa-vị cao khiết ở cõi đời, dốc lòng cứu-rễ cho cõi đời, và ta có thể cả quyết nói to lên rằng: « ta sinh ra làm người, cốt phải là một người hay ở trong cõi đời, lại cốt phải làm cho đời cũng hay như ta, nếu ai cũng nghĩ như ta, thì cả đời đều hay ».

Than ôi! những kẻ tự khí, tự hoại, chìm nổi trên làn sóng đời, là không biết tự giác, những kẻ bám được một ít học-thức, chiếm được một chút địa-vị, chỉ biết tự-tư tự-lợi lấy một mình, là không biết giác-tha, những kẻ chán nản việc đời, tự phụ là độc thanh độc lũ, cũng là không biết giác-tha. Vì thế mà nghĩa lý tan nát, đạo đức tối mờ, gia-đình đoàn-tụ là giả dối, xã-hội giao-tế là lừa lọc, chỉ bởi chữ « giác » không ai hiểu, chữ « tự » và chữ « tha » chia làm hai thành ra thế-gian vốn có cái sống yên vui thành ra cái sống điêu đứng, chỉ ngày nào là ngày tôn-chỉ đạo Phật tuyên dương ra khắp cả thì ngày ấy là ngày thế-gian thái-bình vậy.

BÙI-KY

(1) Từ thánh đế là bốn điều dạy.

ĐỨC VĂN-THÙ BỒ-TÁT

文殊菩薩

Nguyên tôn-hiệu của Bồ-tát, theo tiếng Phạm dịch đủ âm là Văn-thù Sư-lợi 文殊師利 (Mañjuśrī) hay là Man-thù thi-lợi 滿殊尸利. Lại bản dịch mới dịch là Man-thù thất-lợi 曼殊室利. Theo trong các kinh thì hiệu Văn-thù Sư-lợi có nhiều nghĩa; nhưng có kinh Đại-nhật 大日 giải rõ hơn, nói rằng: Văn-thù Sư-lợi nghĩa là diệu cát tường 妙吉祥. (Điềm lành mẫu nhiệm). Văn-thù hay là Man-thù nghĩa là diệu, Sư-lợi hay là Thất-lợi nghĩa là cái đầu là đức là cát-tường.

Bồ-tát Văn-thù, về đời quá khứ, Ngài là thầy Chư-Phật, mà đời hiện tại, Ngài là đệ-tử bậc cao của đức Thích-ca. Ngài là con một giống bà-la-môn phái trinh-bạch ở làng Đa-la nước Xá-vệ, theo đức Thích-ca xuất gia học đạo Phật. Ngài vừa là đệ-tử bậc trên hết của đức Thích-ca, lại thường châu trực bên cạnh đức Thích-ca, nên gọi Ngài là Pháp-vương-tử (法王子 con của Pháp-vương).

Đức Bồ-tát Văn-thù với đức Bồ-tát Phổ-hiền là hai vị hiệp sĩ của đức Thích-ca Như-lai, Bồ-tát Phổ-hiền châu ở bên hữu, chuyên chủ về đường chân-Íy, mà Bồ-tát Văn-thù thì châu ở bên tả, chuyên-chủ về đường trí tuệ.

Trong kinh Phóng-bát 放鉢, đức Thế-tôn dạy Ngài rằng: « Nay ta được thành Phật đều là cái ơn của Văn-thù Sư-lợi. Về đời quá-khứ, vô-số Chư-Phật đều là đệ-tử của Văn-thù Sư-lợi mà Chư-Phật đời tương-lai xuất-thế đây, cũng là nhờ sức uy-thần của Bồ-tát cả. Ví như ở thế-gian đũa liêu-nhi phải có cha mẹ, Văn-thù Sư-lợi là cha mẹ của đạo Phật đó ». Coi đó thì biết Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi quan-hệ trong đạo Phật là thế nào. Tôn-dung của Bồ-tát Văn-thù, đỉnh đầu Ngài có năm búi tóc là để hình-dung năm điều trí của Phật, tay Ngài cầm gương là để hình-dung cái lợi-khi của trí-tuệ. Ngài cười con sư-tử là để hình-dung sự uy-mãnh của trí-tuệ.

Ngài còn có nhiều tôn-dung như khi thì đỉnh-đầu chỉ có một búi tóc và đội mũ ngọc, lại khi thì đỉnh đầu có tám búi

tóc để hình-dung làm vị Phật. Lại khi thì là mình một gã đồng-tử để hình-dung cái nghĩa vẫn còn giữ vẹn được thiên-linh.

Bồ-tát tuy vẫn giữ cái hình dung tại-tục làm bản-nghi, nhưng vì theo trong giáo-pháp của đức Thích-ca thì các đấng Bồ-tát giúp việc giáo hóa cho Phật đều bề ngoài phải hiện ra hình Tỉ-khâu cũng giống như Thanh-văn-chúng không khác gì. Bởi thế mà gai lại có hình tượng là một vị tăng, các chùa bên Tàu, những nơi tăng-đường, giới-dâu, nhà trai đều có thờ tượng Ngái mà tạc làm tượng một ông Tăng cả.

Trong sách Tri-độ-luận 智度論 34 nói rằng : « Trong giáo-pháp của đức Thích-ca không có phân biệt Bồ-tát với Tăng, thế cho nên bọn các ông Văn-thù, Di-nặc vào chỗ Thanh-văn-chúng cứ theo thứ tự mà ngồi ». Coi đó biết Văn-thù Bồ-tát vẫn giữ hình dung tại tục mà đạo Phật là một đạo tự-do bình-đẳng, chỉ cốt lấy sự giúp rập giáo-hóa làm trọng, chứ không chấp tướng.

Phép tu môn Văn-thù có 8 chữ chân-ngôn là : « *Ừm, ác, vì, ra, hồng, khư, tá, lạc* 唵, 惡, 尼, 囉, 吽, 佉, 左, 略 » Phép này ở Nhật-bản bọn môn đồ của từ-giác đại-sư lấy làm một bí pháp rất mực. Môn-đồ ấy dùng phép này để cho tranh khỏi mọi sự thiên tai cùng các nạn trong binh-trận. Cũng lạ do cái nghĩa ở trong kinh Đa-la-ni của Bồ-tát Văn-thù có nói rằng : « *Nếu có vị quốc-vương nào đem quân đi dẫn-chiến thì thư phù* (1) *câu Đa-la-ni này lên trên đỉnh đầu mà yên-chỉ ở đó, rồi cứ một niệm tưởng niệm không bị kẻ oán-dịch làm hại và hết thấy đao gậy cũng không phạm tới thân mình. Lại nếu khi đi đánh trận về tượng đức Văn-thù cưỡi con khổng-tước vào lá cờ, cho vào đi trước, thì giặc trông thấy tự nhiên tan chạy ».*

Coi đó thì đủ biết đức Văn-thù có sức uy thần mẫu nhiệm là dường nào.

Đ. N. T.

(1) Thư phù 書符 = Thư là viết, phù là bùa, lấy nén hương thấp lên rồi cầm mà ngoáy viết thần chú vào đầu thì gọi là « thư phù ».

BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA CỤ TUÂN-PHỦ BÙI-THIỆN-CĂN

đọc tại hội-quán chi hội Phật-giáo Phũ-thọ

Đạo Phật là một giáo-lý vô-thượng, tức là một giáo-lý cao xa rộng rãi hơn hết cả, lại là một triết lý đối với khoa học thực nghiệm ngày nay có công sáng kiến được nhiều lý thuyết rất cao. Thế mà tôi đây chỉ là một tín-dồ của ngài, không có công nghiên cứu, da dẻ lại đương cái trọng trách mục dân một lĩnh hạt, suốt ngày long đong bận bực về các vấn đề công-vụ dân-vụ, còn đâu có đủ thời giờ mà thâm nhập kinh tạng nữa. Nay anh em có bụng tin yêu cử tôi ra nói chuyện về Phật-giáo, thì tôi không biết đem thuyết gì mà nói bây giờ cho thích hợp; song anh em đã cử đến, thì tôi cũng xin miễn cưỡng ứng mệnh, biết được thuyết gì, hiểu được lẽ gì, xin nói chuyện hầu các ngài nghe. Đại khái tôi xin đem cái quan niệm của tôi đối với giáo lý đức Phật-tổ thế nào, xin lần lượt nói chuyện hầu các anh em chị em giáo hữu nghe, may ra cũng có một phần bổ ích trong muôn phần vậy.

Các ngài thường nghe thế nhân bình phẩm đạo Phật, có kẻ cho là một thuyết chán đời, có người cho là một đạo hư-vô, không bổ ích chi cho thế sự. Bình phẩm một giáo lý cao sâu rộng rãi như đạo Phật mà nói vẫn tất mảy chữ như vậy, sao cho khỏi sai lầm,

Cho được dễ hiểu các lẽ uyên bác và chân như của ngài, câu chuyện tôi nói hầu các ngài đây.

- 1° — Đoạn đầu tôi xin nói qua về thuyết *không gian* và *thời gian*.
- 2° — Đoạn thứ nhì nói về *tam giới* (三界) và *lục đạo* (六道).
- 3° — Đoạn thứ ba tôi xin nói về các *phép tu hành* và các nghĩa chính về giáo lý.
- 4° — Đoạn thứ tư xin nói về *luân lý* đạo Phật.
- 5° — Đoạn cuối tôi xin nói về thuyết luân hồi nhân quả (輪迴因果) và thử đem các diệu-đế của ngài giầy ra ứng

dụng với đời xem hồ ích cho nhân quần xã hội ta như thế nào ?

Nếu có chỗ nào sai lầm, xin các ngài chỉ bảo cho, đó cũng là một cách các ngài thực hành chữ *Pháp-thi* của đức Phật-tổ vậy.

Đạo Phật cho rằng : cái vũ trụ chúng ta ở đây, bất cứ nơi đâu, sắc da màu, gồm cả 5 châu trên mặt địa-cầu này, chỉ là một đại thiên thế giới mà thôi. Phật dạy rằng : cứ một hình thức thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới ; mà trong khoảng *không-gian, thời-gian* này, có đến 3000 đại thiên thế giới, thì đủ hiểu đạo Phật suy diễn ra một triết lý cao xa rộng rãi là dường nào ?

Phật dạy rằng : ngoài các đại thiên thế-giới có chúng sinh cư-trú ấy ra, lại còn một thế giới vượt hẳn ra ngoài các thế giới ấy gọi là *Cực-lạc thế-giới* vậy. Ở đây có đức Phật A-Di-Đà hiện đấng thuyết pháp ; chúng sinh ở thế giới ấy được hưởng nhiều sự sung sướng hơn chúng ta ở cõi xa-bà thế giới này có nhiều đường khổ não.

Đem cái thuyết *không gian và thời-gian* vừa nói ở trên mà đối chiếu với khoa-học thực-nghiệm ngày nay như khoa thiên-văn học cho rằng : Trái đất chúng ta ở đây chỉ là một vị hành-tinh, mặt giăng là một hệ-tinh chạy xung quanh trái đất, mà mặt trời là một vị định-tinh, ngoài ra lại còn vô số hệ-tinh hành-tinh khác nữa. Các nhà thiên-văn-học suy đoán thì ở các vị tinh tú ấy cũng là một thế giới có chúng-sinh và cũng có sơn-hà thảo-mộc như ở thế-giới ta ở cũ, chỉ khác ta là ở các thế-giới ấy vì quang độ mặt trời xa hơn ở trái đất ta ở nhiều, có nơi một năm gấp 10 năm ta, có chỗ xa nữa, một năm gấp 100 năm ta, thì hình thể diện mạo chúng sinh ở các thế giới có lẽ khác chúng ta nhiều.

Xem như thế đủ biết cái thuyết tam-thiên thế giới không phải là vu khoát mà chính là một thuyết sáng kiến ra một khoa-học thực nghiệm vậy.

Trên tôi vừa nói mỗi vũ-trụ có chúng sinh cư trú là một thế-giới, có thế-giới sướng, có thế giới khổ, tùy theo cái

nghiệp duyên tu hành của mình thiện hay ác, mà được thác sinh vào cõi thiện-đạo hay ác-đạo trong tam-giới.

Thế nào là *tam giới*, thế nào là thiện-đạo, thế nào là ác-đạo trong lục đạo, tôi xin kể các ngài nghe :

Tam-giới (三 界) nghĩa là trong khoảng *hư không* này chia ra làm ba cõi khác nhau :

Dục-giới (欲 界) là các cõi có các loài chúng sinh phải ăn uống, có tình dục cư trú.

Sắc-giới (色 界) là các cõi chỉ có hình sắc, không có ăn uống, mà cũng không có tình dục nữa.

Vô-sắc-giới (無 色 界) là những cõi không còn có hình sắc nữa, mà chỉ còn có tinh ảnh tri-giác thôi.

Lục-đạo (六 道) nghĩa là ở cõi chia ra làm hai ngã sườn khổ khác nhau. Tùy theo cái nghiệp duyên tu hành của mình mà được thác sinh vào thiện-đạo (善 道) hay đọa xuống ác-đạo (惡 道).

Thế nào là thiện-đạo, thế nào là ác-đạo, xin kể sau này :

Thiện-đạo (tức là ba đường sung sướng)	善 道	}	1 ^o — <i>Thiên-đạo</i> (天 道) thuộc về các cõi trời.
			2 ^o — <i>A-lu-la-đạo</i> (阿 修 羅 道) thuộc về các thần anh linh chúng ta thờ ở trên mặt địa-cầu này.
			3 ^o — <i>Nhân-đạo</i> (人 道) là nhân loại chúng ta ở trên mặt địa-cầu này.
Ác-đạo (tức là ba đường khổ).	惡 道	}	4 ^o — <i>Ngạ-qui-đạo</i> (餓 鬼 道) tức là các quỷ đói.
			5 ^o — <i>Súc-sinh-đạo</i> (畜 生 道) thuộc các loài vật.
			6 ^o — <i>Địa-ngục-đạo</i> (地 獄 道) thuộc về địa-ngục mà chúng sinh bị tội ác phải đày xuống.

Cho dễ hiểu cái vị-tri *Tam-giới* và *lục-đạo* ở trong khoảng *không-gian* này, tôi xin hợp lại mà nói ra sau này :

Dục-giới (欲 界) — Cõi này có tám tầng :

1^o — *Địa-cư* ở trên mặt địa cầu có 5 đại-châu, loài người, các súc sinh, ngũ-qui và A-tu-la (tức là các vị thần) cư trú

Dưới gầm có các địa-ngục.

2^o — *Hư-không-cư*.

3^o — *Tứ-thiên-vương-thiên* — Cõi trời có 4 vị thiên-vương cai quản ở 4 góc núi Tu-gi-la.

4^o — *Đạo-lợi-thiên* — Cõi trời ở ngọn núi Tu gi-la có Đế-thích cai-quản.

5^o — *Tu-gia ma-thiên* — Cõi trời ở trên cõi Đạo-lợi.

6^o — *Đâu xuất thiên* — Cõi trời đủ mọi cách sung sướng. (Đức Thích-ca kiếp trước tu ở cõi này).

7^o — *Hóa-lạc-thiên* — Cõi trời dục-giới thứ 7.

8^o — *Tha-hóa-tư-lai-thiên* — Cõi trời dục-giới thứ 8.

Sắc giới (色界) — Có năm tầng :

1^o — *Sơ-thuyền-thiên* có 4 tầng.

2^o — *Nhị* — 3 —

3^o — *Tam* — 3 —

4^o — *Tứ* — 3 —

5^o — *Tĩnh phạm địa* có 7 —

Vô-sắc-giới (無色界) — Cõi này có 4 tầng trời gọi là Tû-không-sứ.

1^o — *Không vô biên sứ.*

2^o — *Thức vô biên sứ.*

3^o — *Vô sở hữu sứ.*

4^o — *Phi tướng phi phi tướng sứ.*

Cộng trong *Tam-giới* (三界) có tất cả 32 tầng trời.

Chứng-sinh thì cứ theo 4 phép là :

1. — *Hóa sinh.* — 2. *Thái sinh.* — 3. *Noãn sinh.* — 4. *Íếp sinh.*

Và 12 nhân duyên là :

Vô minh — *Hành* — *Thức* — *Danh sắc* — *Lục sứ* — *Súc* — *Thu* — *Ái* — *Hữu* — *Sinh* — *Lão*, *Bệnh* — *Tử*,

mà sinh sinh hóa hóa mỗi không cùng, tùy theo cái nghiệp duyên của mình tu hành nhiều hay ít, mà thác sinh vào ba thiện đạo, hoặc bị đọa xuống ba ác-đạo trong Tam-giới. Ấy chính vì cái thuyết tam-giới và lục-đạo vừa nói ở trên mà phát-minh ra cái thuyết luân-hồi nhân quả, đoạn cuối tôi sẽ xin lược thuyết đến.

Đây tôi xin nói lược về các phép tu hành. Tùy theo thông minh, kiến thức của chúng-sinh dù tại gia hay xuất gia có thể theo được cả.

Đức Phật-lồ xét biết rằng người ta bần sinh ra có ngũ-quan và ý-trí, mà cái gốc tội-ác là do cái ngũ-quan và ý-trí ấy cả. Cho nên ngài gọi là

Lục ác căn :

Nhãn 眼 — Nhĩ 耳 — Tỷ 鼻 — Thiệt 舌 — Thân 身 — Ý 意

Nói nghĩa nôm ra thì

Mắt ai cũng thích sắc đẹp.

Tai — thanh êm hay.

Mũi — hương vị thơm tho.

Lưỡi — nếm cao lương mỹ vị.

Thân — xướng thân.

Ý — cho đẹp lòng vừa ý.

Nếu không biết tu tỉnh trí giới mà để cho 6 cái ác-căn ấy nó phóng túng thì ba cái ác-tính sẽ bởi đó mà phát sinh ra :

3 cái tính ấy là : Tham 貪 — Sân 瞋 — Si 癡.

Tham là : tham lam, được một muốn hai, có cái này muốn cái khác.

Sân là : dận dữ, ghen ghét, sang ghen bèn chề.

Si là : U-mê, say đắm, như say mê sắc đẹp, say mê tiền của.

Vì có ba cái ác tính ấy lại sinh ra cái ác-tính lo được, lo hỏng, lo mất, lo còn.

Ấy người đời vì danh lợi, vì tình dục mà sinh ra bốn cái ác-tính ấy, nếu biết tu thì trong linh-hồn được ung-dung thứ-thái, và nếu kl ông biết tu ra để cho các ác-tính ấy lẫn được cái lòng trí-tuệ mình thì mặc dù mọi điều khổ não.

(Còn nữa)

報 父 母 恩 重 經

KINH BÁO-ƠN TRỌNG CHA MẸ (Tiền-bản)

Diễn ca

Một khi Phật ở trong hang,
Núi Kỳ-sà-quật thuộc Vương-xá thành.
Bấy giờ bốn bộ sùm quanh,
Giới, rồng, tám bộ tinh linh họp nhiều.
Muốn nghe Phật dạy phép màu,
Ngửa trông mặt Phật tỏ cầu kính cung.
Phật dạy rằng: người trong trần thế,
Ai là không cha mẹ sinh thành;
Phép đời mẹ dưỡng cha sinh,
Mẹ mang thai ngàn công trình lắm thay.
Nào khi mãn tháng no ngày,
Sinh ra con đầy mẹ đầy đã mừng;
Nuôi con lại lắm phần khó nữa,
Đóng xe lau đất ngựa nằm trong.
Luôn tay ôm ấp bế bồng,
Vỗ về nựng nịu những mong con cười.
Dẫu chưa biết nói cũng vui,
Khát thời cho bú, đói thời cho ăn.
Hoặc khi mẹ đói muốn phần,
Miếng ngon người vẫn ân-cần cho con.
Lại còn ăn khỗ nhỏ ngon,
Sẻ ráo lời ước quý con vạn phần.
Đói xe lau lời tuôn dần lớn,
Chân tay bỏ đơ hẳn luôn luôn.
Mẹ càng chịu cực vì con,
Lau chùi tắm rửa mẹ còn tiếc chi.
Lạc những lúc mẹ đi đâu nữa,
Bận việc chi mà chưa về nhà.
Dặt mình vú sữa chầy ra,
Biết ngay con đã ở nhà nhớ mong.
Liền vội vã long-tong về thẳng,
Người giữ con thấy dựng mẹ về.
Gật-gù hí-hở dắt xe,

Cùng ra vội đón mẹ về cho nhanh.

Con thấy mẹ, ra tình quấy khóc,

Mẹ cúi mình ôm sức lấy con.

Dơ tay lau bụi ở mắt,

Rồi thì mở vú cho con bú liền.

Tình hoan-hỉ vô biên thành thực;

Thân yêu nhau thừ nhất tấy giờ.

Hai, ba tuổi vào ra tùy ý,

Sự cho ăn cũng chỉ mẹ hơn.

Hoặc khi dự liệc sa gần,

Quả ngon bẻ h ngọt dành phần cho con.

Mười lần được chín lần luôn,

Vui mừng hỉ-hủ nước non nào bì.

Một lần không có đưa về,

Khóc hờn quấy quá, mẹ thì buồn thêm.

Sau dần con cái lớn lên,

Biết chơi với bạn cũng liền phải lo.

Tác đều chối chuốt điếm tở,

Áo quần may mặc sao cho bằng người.

Thứ gì cũ rách lúi-thối,

Mẹ cha phải mặc ấy coi làm thường.

Lựa tơ mới đẹp nõ-nao,

Thì con mặc trước ra đường, sướng thay.

Khi có sự đông, lạy, nam, lức,

Đi chưa về người khác-khoảnh mong.

Khi đến tuổi cả chồng dựng vợ,

Chọn sao cho hợp lứa đôi con.

Có vợ rồi lòng con đổi khác,

Ơn mẹ cha bỗng nhạt dần dần.

Vợ chồng riêng thú ái ân,

Cha già mẹ yếu xem chừng đứng đứng.

Hoặc cha mẹ một thân góa bụa,

Giữ phòng không vô võ một mình.

Đâu con hờ hững vô-tình,

Như người khách trọ còn vinh-hiền gì.

Già sức yếu lại thì hay rét,

Không đệm trần khổ thiết ai hay,

Lại nhiều chày rận quấy rầy,

Đêm không ngủ được càng hay phàn nàn.

Một mình ngăn thờ dài than,
Tội gì kiếp trước sinh con thế này.
Vong ơn bạc nghĩa đã đầy,
Gọi thì chọn mất cau mày chẳng ém.
Vợ con có mắng thì im,
Cúi đầu chịu nhện cười thêm đỡ buồn.
Vợ thấy chồng ra tuồng bất hiếu,
Cũng theo chồng chẳng chịu kinh cung.
Hùa nhau ngộ nghịch cùng lòng,
Việc riêng thuận vợ, thuận chồng cùng vui.

Lời cha mẹ mười lời cãi chín,
Còn một lời đầu nhện cũng sai
Lại còn nhể mắng hoài hoài,
Già sao đội đá ở đời mãi chỉ.
Nghe con nói nhiều khi bực ưoc,
Lệ ch-a-chon máy ử mắt sưng.
Biết từ khi bé thì đ-ng,

Sinh con như thế chẳng j-ng không con ».
Bấy giờ đức thánh A-nan.

Ngài liền vì cả thế-gian hỏi rằng :
Ơn cha mẹ rộng bằng trời bề
Đạo làm con phải nghĩ làm sao ?
Xin Phật mở phép màu chỉ bảo,
Cho chúng-sinh học đạo làm con ».
Phật liền bảo rằng : ơn cha mẹ
cao như non khó hễ ai bì.

Làm con phải x-ê phải suy,
Muốn đ-ên ơn phải thụ tri kính ta.

Mình trì ri lại viết ra,
Cho người khác thụ mới là báo ân.
Rằm tháng bảy ân cần lễ Phật,
Vi hai thân cầu Phật siêu-sinh,

Ấy là báo đáp sinh thành,
Bao nhiêu tội ác lòng thành ăn-năn.
Thường thấy Phật lại cần nghe pháp,
Nguyễn dần dần giải thoát trầm-luán.

Ấy là báo-phụ-mẫu-ân,
Đặt tên kính đề thế-nhân phụng-tri ».

*Chúng gởi, người được nghe Phật dạy,
Phát bồ-đề cùng tay rồi lui.*

Bài chú báo ân trọng

Nam mô, đa mật lệ, để đa bà-đue sa-bà-ha.
Ưm hừu đa la đa sa-bà-ha (đọc 3 lượt).

NGUYỄN-THƯỢNG-CĂN (Hoàng-mai)

Một nền kiến-trúc nước nhà trong khối óc của Huệ-Đặng, hoà-thượng

Tháp « Thiên bửu tháp tự » ở vào địa phận làng Tam-Phước, cách tỉnh thành Ba-ria chừng 7 cây số.

Huệ-Đặng hoà-thượng, tục kêu là hòa-thượng Thuật, người sáng lập ra cái tháp này từ đầu năm 1933 đến nay. Tháp xây toàn bằng đá xanh, mài láng như phết xi-măng rất đẹp, có một tầng lầu, cũng xây bằng đá và đúc sạn rất chắc.

Phía trên lầu hòa-thượng định để bàn thờ đặng thờ Phật vi hiện giờ có nhiều tượng Phật bằng xi-măng do ngài bảo thợ làm lấy.

Phía dưới, nơi chính giữa, ngài có xây một cái huyệt rất chắc để sau này, khi ngài có trút linh hồn, đệ-tử ngài sẽ chôn ngài xuống đó.

Còn hai bên hòa-thượng Huệ-Đặng định làm kho chứa sách Phật gọi là Phật-học viện.

Trót ba năm nay, tháp ấy mới có cái vỏ chớ cái ruột chưa làm xong được hoàn toàn.

Chưa rồi, thế mà cái tháp ấy đã tốn cho tới 99 ngàn đồng (theo lời hòa-thượng nói.)

99 ngàn đồng! Một số tiền quá to. Hoà-thượng nói rằng đó là không có kể tiền công vì những công toàn là đệ-tử của ngài.

Nếu tính tiền nhơn-công, « Thiên-bửu tháp tự » của Huệ Đương hoa-thượng giá trên 100.000 đồng chẳng sai.

Tại sao cất tháp này tốn nhiều tiền quá ? Hòa-thượng nói rằng : « Tháp này xây toàn bằng đá, mà mỗi cục đá nhỏ, thợ đá — vì hôn đạo không biết làm việc này — phải ăn công tới 3 hào. Trong cái tháp có mấy ngàn mấy triệu cục đá thì có bấy nhiêu tiền công ».

Đứng về mặt mỹ thuật mà nói, « Thiên-bửu tháp tự » là một vật kiến trúc mới lạ, đẹp đẽ, chắc chắn, của một vị hòa-thượng người Nam sáng-chế ra.

BÀI BIỂU HẰNG MA

Thưa rằng : Ba-thừa rộng rãi cõi pháp mênh mang, dương khi bề Trí sóng yên, mười phương gió lặng, vạt đầu có ma-quân phiến động, quấy rối Tâm-diễn, lũ Lục-tặc hung cường làm cho Tâm-vương náo loạn, sớm Sinh trăm quái, chiều giấy muôn tà, cỏ-hoặc Chân-như, phọc-nhân Pháp-thể, Bồ-đề lấp lối, cách tuyệt không thông, phá hoại đạo Nát-bản, thương tâm ngôi Tam-bảo, vô-vi châu-báu cướp sạch sành sanh, Đại-tạng pháp tái vét cho kỳ hết, bụi-trần chập đất, lửa dục đầy giờ, trời dạt Pháp-thanh, đốt nung Thánh-cảnh, tôi thấy ma đảng bạo tàn như thế, e rằng Phật pháp khó cách giữ gìn, bèn cùng sáu tướng Ba-la-mát hội đồng, gia công tiêu diệt, xai tình-không làm mất-sứ, thỉnh tham ma-quân, hiện nay ma-dãng đồn đóng ở trong núi Ngũ-vân, đồ-chúng có tám muôn bốn nghìn. Cái trận-thế nó tôi đã biết rồi. Sự phẩn-dấu phải thi hành trong chốc nhất, nếu bằng chậm chễ, sợ mất thời cơ, liền điếm mười tám giới hùng-binh, lấy trống thẻ không làm hiệu, hết thấy đều bỏ cái khiếp tình rụt rệ, gắng cái tài năng dũng kiện, lấy một đạo chính ma đuổi trăm lũ tà. Kiên cố giúp deo mình, Tam-muội sang cấp nách, Thuyền-na làm nổ, Trí-tuệ làm gươm, ngắm cửa Đại-thừa bài trận, hưởng núi Tịch-diệt an dinh, trên đỉnh Tam-minh phất-cờ, dưới

đường Bát-chính nổi hiện, cử Đại-giác-tính làm tướng tróc sinh, tuần du tám ngã, chệch đường vọng tưởng, ngàn lối vô-minh, sai đội Tử-bi đi phá thành Tam-độc, cơ nhân-nhục đi phá trại Thất-tính, quân Tinh-tiến dẹp yên ngạo-mạn. Cai hỷ xả trối lữ xán-toan, tôi là Bộ-lĩnh ma-ha xông vào lập tức, dương khi ấy mắt không nom sắc, tai chẳng nghe thanh, mũi chẳng ngửi hương, lưỡi không hám vị, thân không chịu xúc, ý chẳng phân duyên, gắng sức gia công, bền gan chẳng nản, vọt chốc mà quân-ma vỡ lở. Lục-tặc tan tành, chém giết không tha, lão-trừ kỳ hết, bất sống Vọng-tưởng, trói chặt vô-minh, giải về dinh-thự Nát-bàn, lấy gương Trí-tuệ chặt làm ba khúc, thành phiến-não phá cho tan nát, núi nhân-ngã hóa làm bụi trần, lưới xi-ái bị trí-hỏa thiêu tàn, rừng ta-kiến bị tuệ-phong quét sạch, xong rồi Tam-minh sáng rực, bốn trí tròn xoè. Chân-như lên tòa giải-thoát tiêu dao. Tâm-vương ngồi nhà hoan-hỷ chiêm chệ, Tự-tinh vào nhà vô-ngại. Tam-thân lên bệ Pháp-không; từ đây Pháp-giới yên vui, trần-hiêu chẳng vướng qua sông sinh-tử, tới cảnh Bồ-đề, ma-quân muôiu giống dẹp tan rồi, khải-hoàn một văn xin cần tấu.

Thái-hòa, ĐỖ-TRẦN-BẢO

Dịch trong quyển Bích-nham tập

BAN ĐẠI-LÝ HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-DƯƠNG

Bài hộ-niệm của ban Đồng-ấu

Đức Phật Di-đà,
 Tử-bi lượng cả.
 Tế độ quần-sinh.
 Tiếp dẫn vong-linh,
 Đưa về lạc-quốc.
 Trăng-phan đi trước,
 Bảo-cái đi sau,
 Đồng-tử nguyện cầu,

Trừ-Tăng hộ-niệm,
 Bốn mươi tám nguyện,
 Chín phẩm Liên-dài,
 Chẳng sót một ai,
 Phật điều tiếp dẫn.
 Chúng-sinh độ tận,
 Chứng quả Bồ-đề.

Nam-mô tây-phương cực-lạc thế-giới đại-từ đại-bi tiếp dẫn đạo sư A-di-đà Phật.

CÔNG-CHÂN

Nhân-quả tiểu-thuyết

因果小說

TỰA

Gần đây Đạo Phật có cơ hưng phục. Không những ở Á-dông là nguồn gốc của Đạo-Phật mà cả đến Âu-Mỹ người ta cũng hoan-ngheh sùng mộ rất nhiều. Nhất là từ sau hồi Âu-chiến, những cảnh thảm mục thương tâm của cuộc tàn sát lẫn nhau đã làm cho người đời phá-tâm từ tâm mà hồi cổ đến thuyết từ-bi bác-ái của đức Thích-ca.

Ngay ở nước ta, ít lâu nay, từ Nam chí Bắc, công cuộc chấn-hưng Phật-giáo dấy lên, mỗi ngày một mạnh. Từ sĩ-phu cho đến dân-gian hết thầy đến hoan-hồ cô võ mà theo Từ khi hội Phật-giáo ở Hanoi đã thành lập, xứ Bắc-kỳ đã bước vào một kỷ-nguyên mới, hầu hết các tỉnh đều có chi hội. Các Hội-viên đua nhau làm việc rất sốt-sắng. Nhất là trong ban khảo-cử và diễn-giảng, gồm có những người danh vọng và học-thức nên công việc hội tiến-hành được hiệu-quả một cách mau chóng không ngờ.

Phượng-sơn tiên-sinh cũng là người trong ban khảo-cử hội Phật-giáo. Ngoài những bài diễn-giảng đã đọc ở các chi hội, tiên-sinh lại có công trước-tác ra một quyển tiểu-thuyết gọi là « Nhân-quả tiểu-thuyết ».

Nội-dung Nhân-quả tiểu-thuyết là sự-trang một bậc lão-nho và 8 đồ-đệ: những bài diễn-giảng của bậc lão-nho ấy có thể là những bài luận thuyết rất xác đáng và rõ-ràng về đạo Phật; còn thân thể của 8 người học-trò thì là những tấm gương sáng cho người đời về thuyết luân hồi sinh-tử và thiện ác báo ứng.

Nhân-quả tiểu-thuyết là một quyển chuyện có bổ ích cho cuộc nhân-sinh, khiến cho người đọc có thể chỉnh tâm, diệt dục, cải ác tông thiện và hỉ-xả từ-bi được.

Phượng-sơn tiên-sinh vốn học-vấn uyên thâm, lại là một người trong hoạn-trường có lịch-duyet, quyển Nhân-quả tiểu-thuyết của tiên-sinh soạn ra không những là vì cái mục-

dịch thuyết-minh chân-lý đạo Phật mà lại còn mong nhiều người xem đấy mà thực hành câu tự giác, giác tha nữa. Đó là ý-nguyện của tác-giả.

NGUYỄN-CỰ-ĐẦU cần tự

Bài bặt 跋

Nhân là gì? — Là cái nhân trong quả. — Quả là gì? — Là bởi cái nhân mà gây ra. Có nhân thì phải có quả, có quả là bởi có nhân.

« Chung qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu » nghĩa là giồng đưa được đưa, giồng đậu được đậu. ấy là lời cách ngôn của ông Lão-Tử vậy.

Ông lại nói : « Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác, tử tế tư lường, thiên địa bất thọc 積善逢善, 積惡逢惡, 仔細思量, 天地不錯 » nghĩa là làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. nghĩ ngợi cho kỹ, trời đất không lầm

Cái thuyết nhân quả tản mải trong sách nho cũng nhiều, tôi vốn nghiệp nho. trước kia cũng có tin, nhưng vì sách nói không được riết róng minh-bạch cho nên không tin sâu vào óc lắm.

Từ khi phong-trào Phật-giáo sôi nổi, tôi dễ tâm xem kỹ kinh Phật, thấy cái thuyết « nhân-quả » minh-bạch rạch-ròi, mới lại tin sâu thêm mấy tầng nữa.

Trừ những đấng cao minh đã hiểu biết thì không giám nói, còn thì tôi muốn đồng nhân cũng tin sâu như tôi, cho nên tôi viết cuốn sách này, dùng thể tiểu-thuyết, đôi đoạn dùng hỏi-vấn để đồng-nhân giải trí và thích xem cho lòng đầu triệt vỹ.

Dù lời lẽ có thô-thiển, ý tứ có hẹp hòi, cũng xin chư quân-tử lượng thứ, miễn là như rết lấm chân, có nhiều người bạo viết thì về sự chấn-hưng Phật-giáo không phải là không có bổ ích đôi chút.

Phượng-son

NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH

Nhân quả tiểu thuyết

Phương sơn Nguyễn-Thiện-Chính soạn

Ngẫm âu muôn sự tại giờ. Giờ kia đã bắt làm người có thân. Bất phong trần phải phong-trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Mấy câu trong truyện Kiều thật là thâm thúy và phù hợp với triết-lý nhà Phật:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Thôi đừng trách lẫn giờ gần giờ xa.
Thiện-căn (善根) bở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Ấy là những nhời khuyên người ta phải sửa mình mà làm lành vậy.

Thái-cực tiên-sinh (太極先生) quán xã Hội-bảo, tổng Nội-Duệ, huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-ninh 內 蔚 仙 遊 北 寧 là một người văn hay chữ tốt, nhưng gặp đảo trường-ốc (潦 倒 場 屋), năm 18 tuổi đi thi Hương là khoa Canh-Tý (1900). Thời kỳ ấy gọi là văn-chương bát-cổ (八 股) vì thi bấy giờ kỳ đệ nhất có hai bài (Kinh-nghĩa) 經 義 mỗi bài có tám đoạn cho nên gọi là bát-cổ.

Kỳ đệ nhị: một bài thơ và một bài phú.

Kỳ đệ tam: một bài văn sách đề mục hỏi về lịch-sử các đời vua nước Tàu, và một vấn đề về thời-chính trong nước.

Hội đồng chấm văn, mỗi quyển có bốn giầu, nghĩa là 4 ông quan trường phê duyệt: quan Sơ-khảo, Phúc-khảo, Giám-khảo rồi đến Chủ-khảo.

Cách cho điểm chia làm bốn hạng: ưu, bình, thứ, liệt.

Ưu là cực tốt, bình là tốt, thứ là trung bình, và liệt là hỏng.

Bốn dấu chấm thì lấy giầu của quan Chủ-khảo làm chuẩn, nghĩa là quan Chủ-khảo có phê từ hạng « thứ » trở lên thì mới được trúng tuyển.

Nhiều khi quan Sơ-khảo phê « bình » nhưng quan Chủ-khảo phê « liệt » thì cũng hỏng.

Có trúng tuyển kỳ đệ nhất thì mới được thi kỳ đệ nhị, và trúng tuyển ba kỳ thì mới được vào kỳ đệ tứ là kỳ phúc-

hạch (覆核) nhưng trong ba kỳ phải một kỳ có giấu « bình » của quan Chủ-khảo thì mới được, nếu ba kỳ đầu chỉ có giấu « thứ » thì không được vào phúc-hạch nghĩa là không được đỗ Cử-nhân, chỉ khi nào số người phúc-hạch lấy đủ Cử-nhân và Tú-tài rồi, có thiếu số Tú-tài thì lấy đến những người phê « thứ » mà thôi.

Khoa Canh-tý (1900) Thái-Cực tiên-sinh vào nhất trường, khoa Quý-Mão (1903) vào nhị trường, và khoa Bình-Ngọ (1906) vào tam trường.

Khoa ấy ba kỳ đều « Ưu » « bình », tiên-sinh được vào phúc-hạch.

Khi ra bảng phúc-hạch, thiên hạ điều huyền truyền Thái-cực tiên-sinh tất nhiên đậu Giải-nguyên (解元) (Thủ-Khoa) mà Tiên-sinh cũng tự phụ không còn ai hơn mình được.

Đến ngày xướng danh, là ngày các quan hội-hợp truyền loa xướng tên các ông đậu Cử-Nhân, thi Giải-nguyên không phải. Á-nguyên không phải, cho mãi đến số thứ 50 là hết hạng Cử-nhân, đều không có tên Tiên-sinh.

Tiên-sinh ra xem bảng Tú-tài, cả thấy 150 người (lệ cổ : nhất Cử tam Tú, nghĩa là một Cử-nhân thì ba Tú-tài, thường thường ba năm một khoa thi, lấy 50 Cử-nhân và 150 Tú-tài) xem đi xem lại đến ba lần mà không thấy tên mình ở đâu. Có lẽ quàng hay sao? có lẽ hoảng hốt, lo sợ mà không sao trông thấy tên hay sao? không phải, thực ra tên Tiên-sinh ở ngoài Tôn-sơn (孫山 Tôn-Sơn là tên đỗ cuối bảng, ngoài Tôn-Sơn tức là hỏng) Tiên-Sinh ra xem bảng con.

Bảng con là cái bảng yết những người phạm trường quy (quy tắc trường thi) hay là phạm húy (viết phạm phải các tên húy nhà vua)

Là từ tên Tiên-Sinh đứng ở cái bảng con ấy.

Đã hỏng lại thấy tên trong bảng con, Tiên-sinh gượng cười mà nói rằng: nhà nước cầu hiền nên hiền đi thi nay nhà nước không dùng Hiền thì Hiền lại về với vợ hiền chứ sao! Lại cười nhạt mấy tiếng, tỏ ra nét mặt chua cay, kẻ hàng-quan trông thấy về ấy ngâm câu thơ rằng:

Khốc như Nữ tử vu quy nhất,

哭如女子于歸日

Tiểu tự văn nhân lạc đệ thi
笑似文人落第時

Địch: Khóc như con gái ngày theo dề,
Cư'ri tựa văn nhân lúc hỏng thi.

Tiên-sinh quen một người lại-phòng (người thợ-lại hội-đồng chấm thi) nhờ lấy được quyền thi ra mới biết phạm trường quy là « Đai bất hợp thức » 搥不合式.

Lê quyền thi, đầu quyền phải gấp; Hoàng hàng « Lưu-không » vẫn viết tự dưới hàng Lưu-không ấy đỡ xuống, có 1 hàng lưu-không gấp làm ba tầng; tầng trên nhất gọi là du-cách (逾格).

Văn-sách đề mục nói về văn cổ hết rồi, đến đoạn văn kim là đoạn nói về quốc-gia triều đình hiện thời, thi cách « đai » nghĩa là viết cao lên, phải có thứ tự, như giờ, đất và tiên-triều viết lên hàng du-cách; Hoàng-thượng viết vào hàng đệ nhị, những chữ quốc-gia hay Triều-đình thì viết vào hàng thứ ba.

Dù văn hay đến đâu mặc lòng nhưng « đai » làm tức là « đai bất hợp thức » là phạm trường quy, cũng bị truất-lạc.

Đoạn văn kim của Tiên-sinh, chữ Hoàng-Thượng không viết lên hàng thứ nhì mà lại viết thấp xuống hàng thứ ba cho nên phạm trường quy mà bị vào bảng con vậy.

Các trường quy ngặt nghèo như vậy còn nhiều những chi tiết nhỏ khác, như viết mất chữ đầu bài, phạm tên các lãng-miếu vân vân, đều khiến cho nhiều người hỏng oan, và bỏ sót nhân-tài cũng không phải ít.

Thông thường các bậc thông minh hay có tính xuất lực, nhiều khi bị những cái lỗi nhỏ nhỏ mà lạo đảo một đời.

Tiên-Sinh hỏng thi, vác ô đi thu phong, nghĩa là lang thang đi chơi với các bạn thân đã hiền đạt, để chèn chén và kiếm nếm ba đồng tiền tống.

Những bạn thân cùng đi thi với Tiên-sinh năm Canh-tý đã nhiều người đỗ và làm quan đến Tri-phủ hay Án-sát, vẫn trọng cái tài học của Tiên-Sinh và thương sự gian-cuân của Tiên-Sinh, ai ai cũng giúp đỡ khá hậu.

Trung-tuần tháng chạp năm ấy Tiên-Sinh định trở về nhà, đã tính nhằm trong nang-thác (糞囊 = túi) có món tiền kha khá thì nay mai sẽ có tết to.

Khi xuống tàu tủy, giăng trong gió mát, phong cảnh nên thơ. Tiên-Sinh vịnh bốn câu : Gió mát giăng trong rượu một thuyền. Nên thơ nên họa cảnh thiên nhiên. Một bầu Giáp-tý Tiên là tớ, tớ lại hơn Tiên một túi tiền.

Vừa ngâm vừa chén, tựa ngồi bên triện một mình thiú thiú, khi tỉnh dậy thì túi tiền không có cánh mà bay. Than ôi! Tay không hoàn lại tay không, tết nhất biết tính làm sao bây giờ, lại còn một nỗi khi bác ô về, san mặt với vợ, vì khi bước chân ra đi, thì đã nói khoác với mẹ đi rằng : nay mai u mày không làm bà Thủ-khoa thì cũng là bà Cử chứ không khi nào chịu làm bà Tú.

Bà vợ cũng hèn, hàng ngày may thuê cấy vườn kiếm ăn nuôi chồng, và là người đàn độn thấy chồng bảo sao thì cũng tin làm vậy. Khi Tiên-Sinh về tới nhà, mới thoát ngồi xuống cái ghế, cười ha hả mà bảo bà vợ : « góm, khoa này quan trường nghiệt quá chừng ! bao nhiêu thăng đồ thì bị cắt gán cá.

Bà vợ hỏi thế thầy nó có đồ hay không ? Tiên-Sinh cười mà đáp rằng : « Nếu đồ thì sao lại còn hoàn toàn như thế này ! »

Bà vợ rất lấy làm vui mừng.

Bà vợ ở nhà, dành dụm được hơn một đồng bạc, hôm 29 tết chung được năm hào bạc thật và mua được năm hào gạo nếp cũng định là để thổi xôi làm tết, chứ lấy đâu mà gói bánh chưng và làm giò nem như nhà người ta.

(Còn nữa)

MỪNG BÁO ĐUỐC TUỆ

Báo mới ra đời là « Đuốc-tuệ »,
Eưa đường dẫn lối đi cho dễ ;
Không như lửa đóm sáng quanh nhà,
Chẳng khác giăng rằm soi bốn bề.
Phật-giáo nên cần phải chấn hưng,
Dân-phong cũng lấy làm quan-hệ.
Muốn thành Bồ-tát cố tu trì,
Đuốc-tuệ khuyên người duy có thế.

NGUYỄN-HỮU-ĐỊNH

Tù-lai xã Lào-xá, Thanh-há, Hải-dương

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

An

An-cư 安居, — Thân tâm yên tĩnh mà trụ lại nơi đó một kỳ hạn, tức là lệ chư tăng bên Ấn-độ mỗi năm cứ đến mùa mưa trong ba tháng, thì bị cấm không được ra ngoài mà phải ở yên một nơi để tọa-thiền và tu học, gọi là lưỡng an-cư 兩安居 hoặc gọi là tọa-hạ 坐夏 (học kệ) tọa lập 坐臘 (nghỉ trại).

An-minh-sơn 安明山, — Dịch nghĩa núi Tu-di, vì núi ấy ăn sâu xuống nước nên gọi là an an, cao hơn các núi nên gọi là minh 明. Lại cũng gọi là An-minh-do-son 安明由山.

An-tức-hương 安息香, — Một thứ hương nhựa cây rất quý ở nước An-tức cổ Tây-vực.

An-trường 安詳, — Xét cách thông thả cho thực kỹ.

An-dương 安養, — Tên cõi cực lạc của Đức A-di-đà nghĩa là an tâm dưỡng thân một cách ung-dung tự tại.

Ấn

Ấn-điền 恩田, —Ơn cha mẹ, ơn sư trưởng, như ruộng, càng báo được ơn ấy càng nảy nở chồi phúc.

Ấn-hà 恩河, —Ơn cha mẹ sâu như sông lớn.

Ấn-hải 恩海, —Ơn rộng sâu như bể.

Ấn-ái-nô 恩愛奴, —Đề cho sự ân ái nó sai khiến như tôi mọi mà không có chủ-chương (kinh-phổ-hiền quán).

Ấn ái ngục 恩愛獄, — Bị ân-ái nó giam chấp khồng làm được sự gì hay (kinh Trang a-hàm.)

Ấn

Ấn 印, — In cái dấu khắc chữ hoặc nét vẽ đề in. Lại lấy ngón tay kết ra từng hình đề làm tiêu-chỉ cho đạo pháp, cũng gọi là ấn. Như từ ngón tay chỗ trở lên lần lượt đến ngón tay cái đề tiêu chỉ năm đại vật-chất:

địa, 地 thủy, 水 hỏa, 火 phong, 風 không 空, tục ta gọi là bất quyết, tức là kết ấn đó.

Ấn khế 印契, — Khi kết ấn thì đọc thần-chủ cho khế hợp với nhau.

Ấn tướng 印相, — Hình tướng của cái ấn đã kết nên.

Ấn minh 印明, — Ấn là cái ấn đã kết, minh là thần-chủ.

Ấn-quán 印觀, — Khi tay kết ấn thì ý phải quán tưởng đến vị Phật Bản-tôn 本尊 là vị mà tông-môn ấy tôn thờ làm đệ nhất.

Ấn-khả 印可, — Nhận cho đệ-tử về điều gì đã chứng được

Ấn-Phật 印佛, — In hình Phật vào giấy mà đốt.

Ấn-trị 印治, — Ấn-khả cái nghĩa đã trị định được.

Ấn-chú 印咒, — Ấn với chú. Lại lời chú đã ứng với ấn-tướng.

Ấn-dịnh 印定, — Ấn khả cái nghĩa đã quyết định.

Ấn-trì 印持, — Tự mình tin nhận lấy mà thụ trì.

Ấn-tín 印信, — Bi-pháp truyền thụ cho nhau.

Ấn-tượng 印象, — Hình tượng in vào gương.

Ấn-dat-la 印達羅 (Indra), — Tên một số trong 60 số ao lường.

Ấn-hoại văn-thành 印壞文成, — Bàn in bản sập ở trên đất tho tan đi hết rồi thì cái nét trạm của nó đã thành ở khuôn đất tho rồi. Nghĩa này ví với cái nghiệp trước quá khứ rồi nhưng cái thức cái sắc thân bởi nó tạo ra thì đã đủ và còn lại cả.

Ất

Ất gia 闍伽 (Arghya), — Nước có trầm hương hoa đề cúng Phật.

Ất-già thủy 闍伽水, — Nước hương hoa khác với nước thường, ví với đạo bồ-đề.

Ất-già chân-ngôn 闍伽真言, — Lời chú ất-già tức là câu: «*Nam-ma-lam-mạn-da-bột-dà-nấm* 南摩三漫多勃陀喃».

Ất-già quán đỉnh 闍伽灌頂, — Tên nghi lễ lấy nước thơm rỏ lên đỉnh đầu kẻ tu hành để chứng minh công tu của kẻ ấy.

Một ngôi tượng Phật ngàn năm mới tìm được dưới chơn núi Hy-mã Lạp-sơn

Một hôm, vì thấy tranh ảnh Phật Gautama treo ở trong một cái chùa, song chẳng qua là hình vẽ nên không được tuyệt diệu và giống ảnh thật chạm trong đá từ đời xưa.

Tôi không sao dằn nổi lòng nhớ đến khoảng thi giờ tôi du-lịch bên xứ Phậ, trong mấy năm về trước và xin thuật lại đây chút chuyện lạ cho các bạn đọc biết.

... Tôi đến viếng thánh Barma và Ceylan rồi đi tới thánh địa, tức là cảnh Phật, nơi có dinh liu với đời sống của Phật Tổ, chỗ ngài sinh ra và chết ở chơn núi Hy-mã Lạp-sơn gần biên thủy xứ Nesaul. Cái chỗ mà ngài ngồi tu niệm và đắc quả dưới cây Bồ-đề Bouddha Caya.

Tôi cũng đi tới chỗ ngài khởi sự giảng đạo tại Samath trong cái vườn hươu của nhà vua gần Bénariès. Lúc ở đây tôi dần lòng không được nên có đào chút ít tại nơi Phật Gautama giảng dạy, phục được tông đồ đầu tiên và dựng chùa Phật đầu tiên. Nơi ấy là hầm đá bị người ta đào xóc biết bao nhiêu lần rồi dựng lấy đá mà cất nhà châu thành kể đó và đặt đường rầy xe hỏa nên chỉ tôi không chắc đào được chi lạ lùng đâu.

Tuy vậy tôi cố gắng cứ đào tới mãi trọn mấy tuần vô hiệu quả. Ngã lòng, tôi vừa tinh bỏ phứt việc này đi, ai dè đào bới ra được một tấm đá chạm hình Phật ngồi trên ngôi sen như lúc giảng dạy. Phía trên có hình hai thiên thần cầm nhánh hoa trong tay dựng vút trên đầu ngài. Dưới cái ghế một cái bánh xe có hai con hươu quì chực hai bên tả hữu hình Phật giảng đạo ngày ở trong vườn hươu như đã nói trong bộ kinh « Dharwa Chakra ».

Một bên cái ngôi sen có chạm hình hai thầy sa-môn đầu cạo trọc, tức là năm người theo đạo ngài đầu tiên. Phía bên kia hình, một người đàn bà với một đứa con trông trông rồi chắc là theo Phật làm đệ tử hoặc là biểu tẩm đá ấy cho Phật.

Tôi vui mừng tả sao cho siết vừa cầm tấm đá này mà lật qua lật lại mà coi. Tôi liền nhẩy nhót hơn hở.

Cách vài năm sau chừng tôi đi viếng chùa Sarnath bán nũa, tôi lấy lam ngạc nhiên mà thấy tượng Phật ngồi trên tòa thánh chạm trở một kiểu với tấm đá tôi đào được đó.

Hầu hoan vô hạn, tòi ra, sức dào chỗ đó nữa thì tìm được di-tích một cái chùa lớn, một bộ đồ chạm và hình phần nhiều có chữ đề vào đá từ thế kỷ thứ ba B. C. tòi thế kỷ 12 A. D. lúc mà hung-soái Mohametan chiếm Bénarès và đánh đổ hết các bản thờ Phật ở đó.

... Tòi sở dĩ thuật chút chuyện trên đây là tỏ ý tăng muốn biết manh mối đích xác chuyện chi thì phải chịu khó tìm tòi chẳng ngại công lao khổ sau này mới được thành công như lòng mình sở nguyện.

Lời một nhà khảo cổ học

(Thuật theo báo Japan Times)

MỘT ĐỨA BÉ MỘT TUỔI

sẽ năm giữ quyền chúa tể cả xứ Tây-tạng

Hiện nay tại Tây Tạng, dân chúng đang xôn xao lo bầu cử một vị phật sống gọi là Dalai-Lama để năm giữ mối đạo phật. Sự quan trọng này làm xôn xao rộn rịp các nước theo đạo phật ở Á-dông. Oai quyền của vị Dalai-Lama này sánh như là vị giáo hoàng ở thành La-mã vậy. Trong cuộc bầu-cử vị phật sống Dalai-Lama này, người ta phải công đồng hội hiệp rất lâu để bàn cãi dữ dội.

14 vị hiền triết đi tìm tân chúa

Từ một năm nay vị Dalai-Lama đã qua đời, nên 14 vị hiền triết tại Tây Tạng phải lo đi tìm vị tân chúa trong xứ ấy là Avalokitecvara. Theo qui pháp của phật giáo, thì vị thần Avalokitecvara sẽ giáng thể và nhập vào xác thịt của một đứa trẻ sinh ra trong lúc vị Dalai-Lama tạ thế.

Nhưng vị thần-chúa giáng-thể bí-mật nên người ta phải cố sức đi tìm đứa trẻ « tân chúa » đó mới được. Theo lệ thường, trước khi đi tìm « tân chúa », 14 vị hiền-triết này phải đi vào kho đựng vàng bạc trong thành vua tại thành Lhasa (kinh-đó xứ Tây-tạng) Để đó người ta lấy nảo vàng nảo hột xoàn và thứ đồ quý báu khác cho 14 vị hiền triết ấy mang vào.

Phải đi ròng rã gần 2.000 cây số rồi 14 vị hiền thành ấy mới lấy roi quất xuống nước trong hồ Kpekou Nor để đánh đuổi ma quỷ, và coi dưới bóng soi trong hồ

nước có hình nét chỉ của vị Dalai-Lama mới giáng sanh hay không. Kế đó họ đi lục kiếm khắp trong những nhà nghèo hoặc giàu để khám xét hết thấy đứa con trai nào mà sanh ra trong lúc vị Dalai-Lama chết vừa rồi.

Họ nói rằng đứa trẻ « tân chúa » ấy khi mới sanh ra thì có hào quang ở trên trời soi xuống nóc nhà. Và khi 14 vị hiền triết này tính toán tinh-tượng (astrologique) chắc chắn rồi, thì họ nhìn rõ thấy đứa nhỏ ấy có cặp mắt nhắm nhủ từ màng tang phía trên đến khöhe mắt, còn trong lòng bàn tay của nó có một đóa hoa sen và ở dưới chơn thì có một cái dấu da cạp !..

Khi tìm được Tân-chúa rồi, 14 vị hiền triết này liền trở về thành Lhassa. Họ dẫn về 6 đứa trẻ sanh trong năm đó, ngày đó và nguồn gốc của nó lại khác thường hơn mọi đứa trẻ kia. Trong khi đại hội đồng tôn tân chúa, người ta để 6 đứa trẻ này cùng với mẹ nó trong một gian phòng đặc biệt tại đền Potola.

Chúng ăn ở trong cung theo cách hoàng-tử, và được người ta đối đãi cung phụng đặc biệt. Ngày đêm gì đều có lương-y sẵn sóc bợn nó, và khi ăn uống thì dùng chén bát toàn là bằng vàng và bạc.

Khi định ngày nhóm của đại-hội đồng xong rồi, thì từ trong đền vua đến dân sự ở ngoài, người ta đều đọc kinh cầu nguyện và ăn chơi để vui mừng khắp cả xứ.

Mãi đến khi tôn vị phật sống Dalai-Lama lên ngôi rồi, thì người ta mới hết đọc kinh và ăn chơi. Khi 14 vị hiền triết đã chọn chắc và tôn đứa trẻ thật là xác của chúa thần Avalokitecvara xong rồi thì người ta kiệu đứa trẻ ấy về đền, Khi đến cung, người ta đem tắm vị phật sống ấy bằng một thứ nước gồm có 7 thứ nước sông ở Ấn-độ.

Kế đó người ta lấy mỡ thành trày vào mình ngài, rồi dùng lụa bằng vàng và ngọc ngà phủ vào mình ngài lại. Xong xuôi rồi thì kiệu đứa trẻ ấy lên ngôi. Lúc ấy mẹ của vị phật sống này được phép ngồi bên hữu san khi bà ta dâng cho con mình 21 cái trứng gà thối để làm lễ tặng.

Hai vị Hội-viên quá' cổ

- 1) Bà Hoang-thị-Nga, hiệu Huệ-Mậu 43 tuổi, No 26 phố Hải-dương, Hải-phòng.
- 2) Ông Vũ-khắc-Cừu, 58 tuổi, cựu lý-trưởng làng Trữ-khê, Phủ Kiến-thụy, Kiến-an.

Ban Đại-lý Hội Phật-giáo Thanh-tri (Hà-dông)
thành lập ngày 22 Septembre 1935

Trưởng-ban Đại-lý bên tăng là sư Cụ Nguyễn-văn-Yên
trụ-tri chùa Duyên-phúc, Thanh-tri, Hà-dông.

Trưởng-ban Đại-lý bên tại-gia là ông Cung-dinh-Bình, thượng
hạng Tham-tá Thương-chính hưu-tri ở làng Kim-lũ, Thanh-
tri, Hà-dông.

Hội-quần đặt tại chùa Lũ, làng Kim-lũ, Thanh-tri, Hà-dông.

Ban Đại-lý Hội Phật-giáo Ninh-giang (Hải-dương)
thành lập ngày 20 Octobre 1935

Trưởng-ban Đại-lý bên tăng là sư Cụ Tạ-xuân-Sào, trụ-tri chùa
Phù-mã, xã Mai-sơn, tổng Kế-sơn, phủ Vĩnh-bảo, Hải-dương.

Trưởng-ban Đại-lý bên tại-gia là ông Bùi-khắc-Ngũ,
Chánh-Hương-hội xã Đơ-xá, Ninh-giang, Hải-dương.

Hội-quần đặt tại chùa Sùng-quang, xã Đơ-xá, Ninh-giang,
Hải-dương.

Ban Đại-lý Hội Phật-giáo Chí-linh (Hải-dương)
thành lập ngày 16 Février 1936

Trưởng-ban Đại-lý bên tăng là sư Cụ Tâm-Khang trụ-tri
chùa Triều-àn, xã Đông-dôi, Chí-linh, Hải-dương.

Trưởng-ban Đại-lý bên tại-gia là ông Trịnh-dinh-Vỹ nguyên
Chánh-tổng xã Đơ-xá, Chí-linh Hải-dương.

Hội-quần đặt tại chùa Côn-sơn, thuộc xã Chúc-cương, Chúc-
thôn, tổng Chí-ngãi, Chí-linh, Hải-dương.

Ban Đại-lý Hội Phật-giáo Văn-giang (Bắc-ninh)
thành lập ngày 23 Février 1936

Trưởng-ban Đại-lý bên tăng là sư Cụ Trần-Hương.

Trưởng-ban Đại-lý bên tại-gia là ông Vũ-văn-Sáng Tri-phủ
tri-sĩ, làng Cửu-cao, Văn-giang, Bắc-ninh.

Hội-quần đặt tại chùa Minh-đức, xã Thọ-vực, Văn-giang,
Bắc-ninh.

HỘI THƯ

Cụ Hòa-thượng Lê-khánh-Hòa, chùa Tuyên-linh, Mỏ-cáy.
Xin cảm ơn cụ đã giới-thiệu cho được nhiều người mua báo và
xin trả lời cụ biết cho rằng : 7 người cụ giới-thiệu trước vì lạc
mất thơ không nhận được mà gửi báo, nay đã nhận được thơ
cụ, liền gửi báo số 7 vị ấy rồi.

- Ông Bùi-xuân-Tiền dit Mộng-Duyệt, Thakhet, Lào. đã
nhận được mandat 6 \$ 50 và mandat 1 \$ 00 của ông gửi trả tiền
báo cho 9 vị độc-giả mà ông giới thiệu, xin cảm ơn ông.

IMP. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý : CUNG-DINH-BÌNH